

Tên:

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Lớp: S2...

Nghe HW:

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../.../...



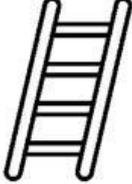
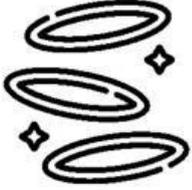
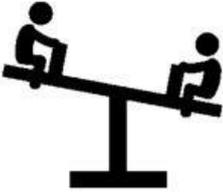
Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../.../...

GE2 - Unit 8: Home, sweet home - Vocabulary 1 & Starters Listening

A. THEORY

I. VOCABULARY

❖ Playground (Sân chơi)

 slide (n) cầu trượt	 ladder (n) cái thang	 hoops (rings) (n) vòng (vòng chơi)
 swings (n) xích đu	 see-saw (n) bập bênh	 merry-go-around (n) đù quay

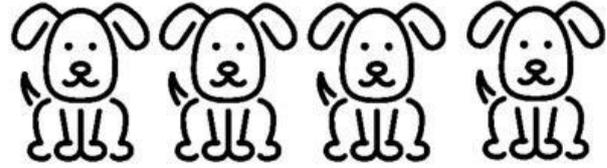
❖ Toys & Sports Equipment (Đồ chơi & Dụng cụ thể thao)

 ball (n) quả bóng	 skipping rope (n) dây nhảy
--	---

❖ Clothes & Accessories (Quần áo & Phụ kiện)

 jumper (n) áo len	 sunglasses (n) kính râm	 hat (n) mũ
--	--	---

II. STRUCTURE: There is / There are

There is	There are
There is an apple . (<i>Có một quả táo.</i>) 	There are three apples . (<i>Có ba quả táo.</i>) 
There is a dog . (<i>Có một con chó.</i>) 	There are four dogs . (<i>Có bốn con chó.</i>) 

**Cách dùng a và an:*

an + nguyên âm (a, e, i, o, u)

a + phụ âm (các âm còn lại)

an apple, an egg

a pen, a car

III. STARTERS LISTENING

1. Extra vocabulary

❖ CLASSWORK

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	birthday (n)	sinh nhật	2	lizard (n)	con thằn lằn

❖ HOMEWORK

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	funny (adj)	hài hước	2	mice (n)	những con chuột

**Note: n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ.*

2. Read the question. Listen and write a name or a number.

(*Đọc câu hỏi. Nghe và viết một tên hoặc một số.*)

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2-w28-classwork-starters-part-2>



Examples

What's the girl's name?

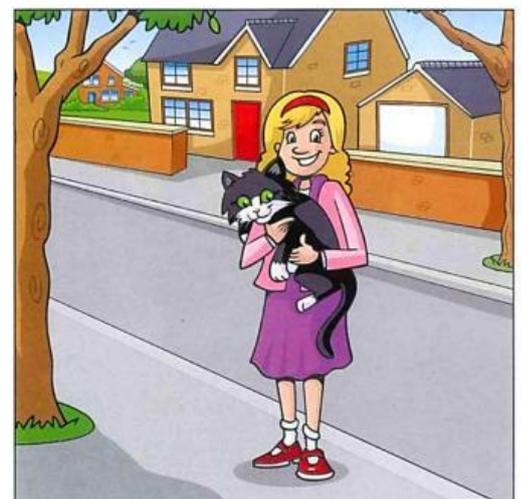
Kim

How old is she?

9

Questions

- What's Kim's friend's name?
- What number is Kim's house?
- What's the name of Kim's cat?
- How old is the cat?
- How many lizards has Kim got?



B. HOMEWORK

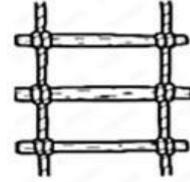
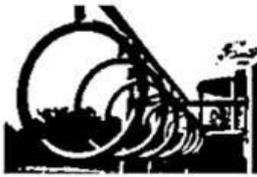
VOCABULARY & GRAMMAR (20 questions)

Exercise 1. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở mục I.

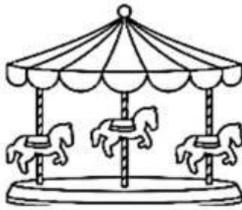
VOCABULARY và III. **STARTERS LISTENING 1.** Extra vocabulary (trang 1) 1 dòng vào vở ghi.

Exercise 2. Circle and match the words to the correct pictures.

(Khoanh tròn và nối các từ với đúng hình ảnh.)



xslidekjhoopsladdermnswingsoqseesawmerrygoroundftpz



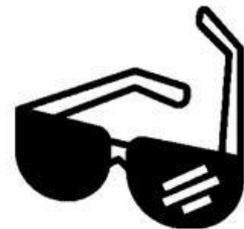
Exercise 3. Fill in the missing letters. (Điền vào chỗ trống để hoàn thành các từ.)



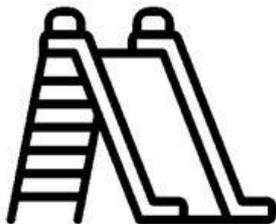
0. _ _ hat



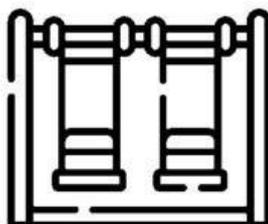
1. j _ mp _ r



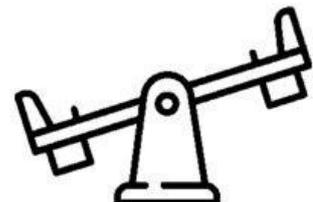
2. sun _ as _ es



3. _ _ s _ d _



4. _ s _ ing _



5. _ _ ee _ s _ w _

Exercise 4. Read and write Yes or No. (Đọc và viết Yes hoặc No.)

Hi, my name is Anna. This is our new playground and clothes box.

There is a slide in the playground. There are two balls near the slide. There is a skipping rope on the ground. There is a hat on the bench. There is a jumper in the box. There are sunglasses in the bag. It is fun.



0. *There is a slide in the playground.*

Yes

1. There are three balls near the slide.

.....

2. There is a skipping rope on the ground.

.....

3. There are two hats on the bench.

.....

4. There is a jumper in the box.

.....

5. There are sunglasses in the bag.

.....

Exercise 5. Look and choose the correct answers. (Nhìn và khoanh tròn đáp án đúng.)

0. <i>That is a car.</i>	a.	
	b.	
1. <i>This is a bee.</i>	a.	
	b.	
2. <i>These are two dogs.</i>	a.	
	b.	
3. <i>These are four houses.</i>	a.	
	b.	
4. <i>That is a cat.</i>	a.	
	b.	
5. <i>Those are three stars.</i>	a.	
	b.	

STARTERS PART 2

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

<https://soundcloud.com/ms-chi-english/s2-w28-homework-starters-part-2>

Read the question. Listen and write a name or a number.



Examples

Who has a birthday today? Anna

How old is she? 14

Questions

- 1 What's the name of Anna's sister?
- 2 How old is Anna's sister?
- 3 What's the name of Anna's mouse?
- 4 How many babies has the mouse got?
- 5 Where does Anna's family live? Street